TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÙ GIA MẬP** **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: **01**/2019/HNGĐ-ST Ngày 17/01/2019 "V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ GIA MẬP, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hải Ly

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phan Tấn Lãm

Ông Phạm Văn Hòa

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Công – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 194/2018/TLST - HNGĐ ngày 13/9/2018 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 70/2018/QĐXXST - HNGĐ ngày 21/11/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 65/2018/QĐST-HNGĐ ngày 13/12/2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh **Hoàng Văn N**, sinh năm 1986 "có mặt";

- *Bị đơn:* Chị **Trần Thị G**, sinh năm 1990 "vắng mặt";

Cùng địa chỉ: Thôn 6, xã ĐK, huyện BGM, tỉnh Bình Phước

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Lời trình bày của anh Hoàng Văn N tại đơn khởi kiện, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa như sau:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh N và chị Trần Thị G tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2010 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã PM, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước vào ngày 18/01/2010. Trong quá trình chung sống, vợ chồng không hạnh phúc thường xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do chị G đã có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác nên thường xuyên bỏ nhà đi không lo chăm sóc con chung và gia đình dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Giữa anh N và chị G cũng đã tự hòa giải nhiều

lần nhưng không đạt được kết quả và hiện nay anh N và chị G đã sống ly thân. Nay, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh N yêu cầu được ly hôn với chị G.

- *Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung:* Trong thời gian chung sống anh N và chị G có một người con chung là Hoàng Văn P, sinh ngày 14/12/2010; khi ly hôn anh N yêu cầu được nuôi dưỡng con chung đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi. Anh N không yêu cầu chị G cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về tài sản chung:* Anh N và chị G tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung:* Anh N và chị G chung sống không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Trong quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đều tuân thủ đúng quy định tố tụng dân sự.

Các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

Đề xuất về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cho anh N được ly hôn chị G; về con chung đề nghị Hội đồng xét xử giao con chung cháu P cho anh N nuôi dưỡng; về tài sản chung và nợ chung giữa các đương sự không có nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được hỏi tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án ly hôn do nguyên đơn anh Hoàng Văn N khởi kiện yêu cầu được ly hôn với chị Trần Thị G theo quy định tại Điều 56 luật Hôn nhân và Gia đình. Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự và bị đơn anh Hòa có nơi cư trú tại huyện Bù Gia Mập nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Bù Gia Mập.

[2] Đối với bị đơn chị Trần Thị G đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo đúng quy định tại Điều 177 và 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng chị G vẫn vắng mặt tại các lần làm việc không có lý do, nên không có lời khai của chị G tại hồ sơ vụ án. Tại phiên tòa hôm nay chị G vắng mặt không có lý do, căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị G.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh Hoàng Văn N và chị Trần Thị G tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2010 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban

nhân dân xã P huyện Bù Gia Mập. Xét đây là hôn nhân hợp pháp, tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình. Trong quá trình chung sống, vợ chồng không có hạnh phúc thường xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do do chị G đã có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác nên thường xuyên bỏ nhà đi không lo chăm sóc con chung và gia đình dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Vợ chồng anh N và chị G cũng đã tự hòa giải nhiều lần nhưng không đạt được kết quả. Hiện nay, anh N và chị G đã sống ly thân không còn quan tâm đến nhau. Mặt khác, khi được Tòa án triệu tập nhiều lần để làm việc và hòa giải nhưng chị G không đến tham gia, thể hiện sự bỏ mặc không có sự tôn trọng hạnh phúc gia đình. Do đó cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh N cho anh N được ly hôn chị G.

[4] Về việc nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Trong quá trình chung sống giữa anh N và chị G có 01 con chung cháu Hoàng Văn P, sinh ngày 14/12/2010. Tại phiên tòa anh N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu P. Xét thấy yêu cầu được nuôi con là quyền lợi chính đáng của anh N và chị G được pháp luật quy định. Hiện nay cháu P đang sống cùng với anh N. Do vậy để đảm bảo sự phát triển bình thường, ổn định về thể chất cũng như tinh thần của cháu P nên cần tiếp tục giao cháu P cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu P trưởng thành đủ 18 tuổi.

[5] Về tài sản chung: Anh N và chị G tự thỏa thuận nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về nợ chung: Anh N và chị G chung sống không có tài sản chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Các vấn đề khác: Do anh N không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[8] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Anh N phải chịu án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 58 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ Ban Thường Vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Hoàng Văn N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Hoàng Văn N được ly hôn với chị Trần Thị G.

2. Về con chung: Giao con chung Hoàng Văn P, sinh ngày 14/12/2010 cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu P trưởng thành, đủ 18 tuổi.

3. Về tài sản chung: Anh N và chị G tự thỏa thuận, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) anh Hoàng Văn N phải chịu, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng anh N đã nộp theo biên lai thu số 0018470 ngày 13/9/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình P.

4. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND H. Bù Gia Mập;
- TAND tỉnh Bình P;
- Chi cục THADS H. Bù Gia Mập;
- UBND xã PM;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Hải Ly